

VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI TRONG LỊCH SỬ QUAN HỆ TRUNG QUỐC - ẤN ĐỘ (1949 – 1991)

BORDER ISSUES IN THE HISTORY RELATIONS BETWEEN CHINA - INDIA (1949 - 1991)

Nguyễn Thế Hồng

Trường Đại học Đồng Tháp; reaganusa1986@gmail.com

Tóm tắt - Trong suốt chiều dài lịch sử, Trung Quốc và Ấn Độ đã tồn tại nhiều tranh chấp và bất đồng về lãnh thổ, mà đỉnh điểm là cuộc xung đột biên giới năm 1962. Cuộc chiến đã gây nên tổn thất về người và của cho cả hai nước. Tâm điểm mâu thuẫn giữa hai nước Trung Quốc và Ấn Độ là đường ranh giới kiểm soát thực tế (còn gọi là đường Mc- Mahon), một đường ranh giới không chính xác được các quan chức về thuộc địa của Anh và đại diện của nhà nước Tây Tạng vẽ ra vào năm 1914. Trải qua nhiều vòng thương lượng, đàm phán, hai nước Ấn Độ, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu quan trọng giải quyết vấn đề Tây Tạng và Sikkim. Tuy nhiên, khu vực biên giới giữa hai nước vẫn luôn ở tình trạng căng thẳng và nguy cơ xung đột vẫn chưa hề mất đi.

Từ khóa - Ấn Độ; Trung Quốc; biên giới; tranh chấp; đàm phán.

Abstract - Throughout their long history, between China and India there have existed many disputes and disagreements over territory, culminating in the border conflict in 1962. The war caused the loss of lives and property to two countries. Focus of conflict between the two sides was the actual control border (Mc-Mahon), an incorrect boundary drawn by officials of the British colonial government and representatives of Tibet in 1914. After rounds of negotiations, India and China have made significant achievements, resolving the issue of Tibet and Sikkim. However, the border area between the two countries has always been in tension and the risk of conflict still remains.

Key words - India; China; border; dispute; negotiations.

1. Đặt vấn đề

Trung tuần tháng 10/1962, một cuộc tấn công bất ngờ từ nhiều phía của quân đội Trung Quốc lấn át lực lượng quân đội Ấn Độ. Trong thời gian ngắn, Trung Quốc kiểm soát được cao nguyên Aksai thuộc Kashmir về phía Tây và phía Đông tiến đến gần vùng Assam của Ấn Độ. Đến ngày 21/11 Trung Quốc tuyên bố đơn phương ngừng bắn và rút khỏi quân đội khỏi khu vực Đông Bắc Ấn Độ nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát khu vực Aksai. Sau cuộc chiến năm 1962, hai nước tiến hành đàm phán, thương lượng giải quyết tranh chấp biên giới. Kết quả đạt được nhiều thành tựu, bên cạnh đó vẫn tồn tại nhiều khác biệt và thách thức.

2. Nội dung

2.1. Nguồn gốc vấn đề tranh chấp biên giới trong lịch sử quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ

Vấn đề Tây Tạng được cho là một trong những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc trong lịch sử. Thực dân Anh, sau cuộc chiến tranh nha phiến với triều đình Mãn Thanh, từ phía nam dãy Himalaya đánh chiếm Khuyết Khẩu của Tây Tạng “*âm mưu hoạt động lâu dài, hòng chia cắt Tây Tạng ra khỏi bản đồ Trung Quốc. Thực hiện giấc mộng thực dân địa. Giai đoạn lịch sử này đã tạo nên sự bất hòa trong quan hệ giữa người Hán và người Tây Tạng*” [9, tr.170]. Lúc này, Ấn Độ còn là thuộc địa của Anh, trong hệ thống an ninh của họ Tây Tạng chiếm vị trí chiến lược rất quan trọng. Tây Tạng với tầm cao nóc nhà thế giới nhìn thẳng xuống bán đảo Ấn Độ, không chế được Tây Tạng cũng có nghĩa là không chế được căn cứ tiến quân của Ấn Độ. Nhằm ngăn ngừa thế lực bên ngoài không chế Tây Tạng, đe dọa an ninh của Ấn Độ nên Anh đã coi việc tách Tây Tạng và vùng đệm giữa Trung Quốc và Ấn Độ thuộc Anh. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, thế lực của thực dân Anh ở Nam Á suy yếu dần nên Anh có ý đồ chia cắt Tây Tạng khỏi bản đồ Trung

Quốc, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất, ảnh hưởng và sự khống chế của chính phủ Trung Quốc. Vì thế, Anh – Ấn lấy việc ủng hộ những nhân vật có thế lực mang sắc tộc khác nhau làm nhiệm vụ đối ngoại, thúc đẩy chính giáo thượng tầng tại Tây Tạng. Đồng thời, lợi dụng cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng – Đảng cộng sản Trung Quốc đang diễn ra để gạt bỏ quan hệ giữa chính quyền địa phương Tây Tạng và chính quyền Trung ương. Sau khi nước CHND Trung Hoa thành lập tháng 10/1949, Mao Trạch Đông tuyên bố Tây Tạng thuộc về Trung Quốc và quyết tâm đặt Tây Tạng dưới quyền kiểm soát hành chính và quân sự. Đối với Trung Quốc, sự quan tâm của Ấn Độ đến vùng này là can thiệp vào nội bộ, Ấn Độ thì “*tự coi mình là chính quyền kế thừa chính quyền thực dân Anh trước đây*” [2, tr.192 – 193]. Thủ tướng Nehru tuyên bố “*Ấn Độ không có tham vọng chính trị hay đất đai gì ở Tây Tạng và cũng không đòi hỏi đặc quyền gì ở đó, nhưng mong muốn duy trì các quyền lợi thương mại cổ hữu*” [3]. Trên thực tế, sau khi thực dân Anh rút khỏi Nam Á, Ấn Độ vẫn không hoàn toàn bỏ chiến lược khống chế Tây Tạng. Vấn đề Tây Tạng trở thành động lực vô hình và không chính thức trong quan hệ hai nước.

Trung Quốc không chấp nhận lần ranh giới kiểm soát thực tế. Lần ranh này được ký kết tại Hội nghị Siemla ở Ấn Độ, do Anh tổ chức để giải quyết vấn đề Tây Tạng một cách hợp pháp vào năm 1914. Ấn Độ cho rằng đường biên giới Ấn – Trung đã được hoạch định theo giới tuyến ranh giới kiểm soát thực tế. Vấn đề biên giới trở nên phức tạp khi Trung Quốc công bố bản đồ với đường ranh lấn sâu vào lãnh thổ Ấn Độ, tổng diện tích tranh chấp là 125.000 km², trong đó 90.000 km² ở đoạn phía Đông (là ranh giới kiểm soát thực tế), 2000 km² ở đoạn giữa và 330.00 km² ở đoạn phía Tây (được gọi là vùng Aksai Chin). Khu vực tranh chấp mà Trung Quốc gọi là Nam Tây Tạng, phía Ấn Độ gọi là Aksai Chin. Mùa hè năm 1962, quan hệ Ấn – Trung đã diễn biến theo chiều hướng phức tạp, đầy căng thẳng

đỉnh cao là cuộc chiến tranh biên giới. Trung Quốc cho rằng tấn công Ấn Độ mục đích chính để chấm dứt những nỗ lực của Ấn Độ nhằm làm suy giảm sự kiểm soát của Trung Quốc ở vùng Tây Tạng, khôi phục lại hiện trạng “chủ quyền” trước năm 1949 và răn đe Ấn Độ có ý định xâm nhập vượt qua biên giới Trung Quốc. Chiến lược răn đe ngụ ý một sự tích tụ của các lực lượng quân sự đủ trong nhận thức hay thực tế để ngăn chặn tình trạng đe dọa an ninh từ các quốc gia khác. Về phía Ấn Độ, họ sẵn sàng tham chiến với Trung Quốc vì lợi ích an ninh quốc gia và vị thế quốc tế. Nếu Ấn Độ không thể bảo vệ cũng như không xác định được biên giới thì các quốc gia khác có thể bắt đầu đặt câu hỏi về vị trí của Ấn Độ trên trường chính trị thế giới. Mỗi đe dọa Trung Quốc đến biên giới gây ra ảnh hưởng sự độc lập, tự quyết và vị trí của Ấn Độ như là một cường quốc ở châu Á.

2.2. Những diễn biến chính về tranh chấp biên giới trong lịch sử quan hệ Trung Quốc – Ấn Độ (1949 – 1991)

Với chiều dài 3.550km biên giới chung giữa hai nước, có ba điểm nóng thường trực sẵn sàng gây nên sự căng thẳng trong quan hệ Ấn – Trung là “*Aksai Chin ở tự điểm của biên giới ba nước Pakistan, Ấn Độ và Trung Quốc, Arunachal Pradesh, ở sát biên giới Đông Bắc của Ấn Độ và Kashmir, ở Tây Bắc Ấn Độ*”, “*Aksai Chin hiện thuộc quyền quản lý của Trung Quốc nhưng Ấn Độ coi như thuộc về mình và đòi lại*”. Ngược lại, “*Arunachal Pradesh là một tiểu bang của Ấn Độ nhưng Trung Quốc lại coi là thuộc về Tây Tạng và đòi Ấn Độ trả lại. Kashmir là vùng tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan, mỗi bên chiếm một nửa và đòi bên kia phải trả phần còn lại. Mâu thuẫn giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Kashmir là vì Trung Quốc ủng hộ Pakistan*” [8, tr.201]. Khu vực vùng Kashmir mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Ấn Độ không chỉ vì Pakistan mà còn vì một khu vực hai bên trực tiếp tranh giành. Aksai Chin có vị trí chiến lược trong tam giác quan hệ Pakistan, Ấn Độ, Trung Quốc. Trong lịch sử, vùng này thuộc vương quốc Ladakh, nhưng theo Hiệp định 1904 ký giữa Anh với Tây Tạng, khi đó còn độc lập, Aksai Chin được sát nhập vào Ấn Độ thuộc Anh. Biên giới giữa Tây Tạng và Ấn Độ được xác định theo đường ranh giới Mac-Mahon. Khi độc lập, Trung Quốc tuyên bố không công nhận Tây Tạng thuộc Ấn Độ đồng nghĩa với việc không công nhận đường ranh giới kiểm soát thực tế.

Tháng 1/1950, chính phủ Trung Quốc đề nghị nhà cầm quyền Tây Tạng cử đại diện đến Bắc Kinh nhằm thương lượng việc giải phóng Tây Tạng bằng con đường hòa bình, nhưng do sự chia rẽ của các thế bên ngoài là Anh và Mỹ nên quan nhiếp chính Tây Tạng khi đó là Dagzhag Ngawang Sungrab đã bác bỏ lời đề nghị. Sau đó, chính phủ Trung Quốc cho quân vượt sông Jinsha vào tháng 10/1950 để giải phóng Tây Tạng bằng vũ lực. Mỹ thúc giục một số nước khác đưa ra các kiến nghị ở Liên hiệp quốc nhằm can thiệp vào Tây Tạng nhưng không thành công. Trước các cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc, đến tháng 5/1951 Tây Tạng buộc phải ký Hiệp định 17 điểm và công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên lãnh thổ nhưng được duy trì hệ thống chính trị và xã hội của mình “*Tây Tạng là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc. Vấn đề Tây Tạng hoàn toàn là vấn đề nội bộ của Trung Quốc. Quân đội giải phóng*

nhân dân Trung Quốc phải tiến vào Tây Tạng, giải phóng nhân dân Tây Tạng và bảo vệ biên giới Trung Quốc. Đây là quyết tâm của chính phủ nhân dân Trung ương... Sự can thiệp của nước ngoài là không thể dung nhận” [2, tr.192]. Mặc dù, thừa nhận chính quyền trung ương Trung Quốc nắm quyền nhưng Tây Tạng luôn tồn tại tư tưởng muốn độc lập. Vì thế, tháng 3/1959, ở Tây Tạng cuộc nổi dậy do Đạt Lai Lạt Ma lãnh đạo. Hậu quả của các cuộc nổi dậy ở Lhasa, Đảng cộng sản Trung Quốc quyết định giải thể chính quyền địa phương Tây Tạng, khẳng định quyền quản lý trực tiếp và bắt đầu thực hiện chính sách cách mạng xã hội ở Tây Tạng. Đạt Lai Lạt Ma và những người cộng sự tị nạn sang vùng Tây Bắc của Ấn Độ. Trung Quốc yêu cầu Ấn Độ trục xuất các nhà lãnh đạo Tây Tạng và có biện pháp ngăn chặn các hoạt động hỗ trợ các lực lượng đối lập với chính sách của Trung Quốc trong vấn đề Tây Tạng.

Tháng 8 và tháng 10/1959, đã xảy ra hai cuộc xung đột vũ trang đẫm máu ở cả phía Đông và Tây biên giới hai nước. Xuất phát từ những căng thẳng, đối đầu về vấn đề tranh chấp biên giới đã làm cho mối quan hệ giữa hai nước đi xuống mức thấp nhất, cắt đứt các quan hệ chính trị ngoại giao, kinh tế, văn hóa. Tháng 7/1961, hai bên đã rút đại sứ về nước, dẫn đến việc 15 năm tiếp theo quan hệ hai nước chỉ còn cấp đại diện lâm thời. Ngày 20/10/1962, quân Trung Quốc xâm nhập vào lãnh thổ Ấn Độ ở nhiều nơi dọc theo biên giới. Quân Trung Quốc vượt qua lần ranh giới kiểm soát thực tế ở khu vực phía Đông, có những nơi lấn sâu vào đến 100km. Ở khu vực phía Tây, Trung Quốc đánh chiếm các cứ điểm quân sự của Ấn Độ và tiến sâu vào lần ranh. Quân Trung Quốc tiến qua các vị trí của quân Ấn Độ tại cả hai mặt trận, đánh chiếm được Rezangla tại Chushul ở mặt trận phía Tây và Tawang ở mặt trận phía Đông. Kết quả, Trung Quốc giành được thắng lợi trong cuộc chiến thì Ấn Độ lại chịu thất bại nặng nề. Số tử trận và tù binh phía Trung Quốc không được thông báo còn phía Ấn Độ “*chết 1.383 người, bị bắt làm tù binh 3.968 người và mất tích 1.696 người*” [3]. Chiến tranh kết thúc khi Trung Quốc đơn phương tuyên bố ngừng bắn vào ngày 20/11/1962 và rút quân ra khỏi phần lớn các khu vực chiếm được. Trung Quốc đề nghị đàm phán, Ấn Độ đồng ý thỏa thuận ngừng bắn và tổ chức cuộc gặp gỡ giữa những người đứng đầu chính phủ, nhưng đòi quân lính hai nước tái phối trí dọc theo lần ranh của ngày 8/9/1962, vì theo New Delhi lần ranh này mới phù hợp với nguyên trạng năm 1959. Cuộc gặp gỡ giữa hai bên diễn ra nhưng không mang lại kết quả như mong đợi.

Nhìn chung, cuộc chiến tranh biên giới năm 1962 kết thúc đánh dấu một sự chuyển hướng triệt để trong đường lối ngoại giao và quân sự của Ấn Độ. Sau thất bại, Ấn Độ rút ra bài học phải xây dựng sức mạnh quân sự và tự bảo vệ nếu muốn có chỗ đứng trên thế giới, đồng thời Ấn Độ quay sang phía Liên Xô và bắt đầu ra sức trang bị vũ khí. Cuộc chiến tranh cũng thể hiện rõ những yếu tố chính trong học thuyết chiến lược quân sự của Trung Quốc. Thứ nhất, chiến thuật bất ngờ, đó là tấn công đối phương và kết thúc một cách đột ngột nhằm lấn áp đối thủ về mặt chính trị, tâm lý. Thứ hai, tập trung toàn diện là phải tấn công nhanh chóng và mạnh mẽ hết sức có thể. Mục tiêu ở đây là buộc đối phương phải giao chiến với kết cục nhanh. Thứ ba,

chiến thuật tấn công phủ đầu nhằm thể hiện quan điểm cứng rắn sẵn sàng để “đay một bài học” cho đối phương, nếu như đối phương dám thách thức. Thứ tư, chiến thuật chớp thời cơ tức là chờ đợi và khai thác thời điểm thích hợp, cuộc chiến biên giới với Ấn Độ diễn ra đồng thời với cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu ba năm 1962, đưa thế giới đứng bên bờ vực của chiến tranh hạt nhân đứng đầu là Liên Xô và Mỹ, mục đích khi quyết định tấn công Ấn Độ của Trung Quốc là phân tán sự chú ý của những quốc gia, đồng minh có thể hỗ trợ cho Ấn Độ. Thứ năm, đề cao chiến lược “tấn công phòng thủ” của Trung Quốc để phá thế bị động khi đối phương có những hành động đe dọa an ninh quốc gia, nhằm lí giải cho “mục đích tự vệ” mà Trung Quốc đưa ra. Thứ sáu, sẵn sàng mạo hiểm nhằm mang lại kết quả cần thiết và có lợi nhất.

Bên cạnh đó, nhân tố Pakistan trong quan hệ tam giác Ấn Độ –Pakistan–Trung Quốc càng làm cho mâu thuẫn hai nước thêm căng thẳng dẫn đến hệ lụy trong đàm phán giải quyết tranh chấp biên giới. Kể từ những năm 1950, quan hệ giữa Trung Quốc và Pakistan có những bước phát triển mạnh mẽ “*mối quan hệ quân sự gắn gũi của Trung Quốc với Pakistan đưa đến tư tưởng chiến tranh và thù địch đối với Ấn Độ của Pakistan và những nỗ lực sở hữu thêm vũ khí hạt nhân của nước này*” [10, tr.79]. Năm 1965, chiến tranh Pakistan - Ấn Độ lần thứ hai. Cuộc chiến không chỉ làm cho mối quan hệ hai nước xấu đi mà còn kéo theo quan hệ của những đồng minh hai nước, quan trọng nhất là Trung Quốc, Mỹ và Liên Xô trở nên bất ổn và căng thẳng với nhau. Đứng về phía Pakistan, giữa tháng 9/1965 Trung Quốc gửi tới hậu thư yêu cầu Ấn Độ dỡ bỏ các pháo đài trên biên giới Trung - Ấn, lập trường đó bị Liên Xô phản đối. Việc làm của Trung Quốc không chỉ làm cho quan hệ của hai nước Trung - Ấn thêm căng thẳng mà còn làm cho mối quan hệ Trung - Xô thêm xấu đi. Tháng 12/1971, lần thứ ba diễn ra chiến tranh giữa Pakistan - Ấn Độ, lần này không xuất phát từ vấn đề Kashmir, mà từ việc Ấn Độ ủng hộ Đông Pakistan độc lập, tách khỏi Pakistan. Cuộc xung đột này còn kéo theo những đồng minh của họ. Mỹ, Trung Quốc tăng cường viện trợ về kinh tế, vũ khí, cổ vũ và quân sự cho Pakistan. Trước tình hình đó ngày 9/8/1971 chính phủ Ấn Độ kí với Liên Xô “*Hiệp ước hòa bình, hữu nghị, hợp tác*”. Cuối tháng 12 cuộc chiến kết thúc thắng lợi thuộc về Ấn Độ bằng Hiệp định Simla được kí ngày 2/7/1972. Với thắng lợi này vị thế của Ấn Độ được tăng cường trên trường quốc tế và liên minh Xô - Ấn ngày càng được củng cố. Trái lại, mâu thuẫn Trung - Xô, Trung - Ấn ngày càng diễn ra gay gắt và quyết liệt hơn.

Từ đầu thập niên 70 quan hệ quốc tế bước vào giai đoạn hòa dịu, cùng với những thay đổi trong quan hệ Xô - Mỹ. Từ nửa sau thập niên 80, khi M.Goócbachốp lên cầm quyền ở Liên Xô, quan hệ Xô - Mỹ chuyển từ đối đầu sang đối thoại để giải quyết những vấn đề trong quan hệ giữa hai nước và quan hệ quốc tế. Trải qua một chặng đường dài khó khăn, quá trình đàm phán cắt giảm vũ khí chiến lược giữa Liên Xô và Mỹ đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tạo cơ sở quan trọng thúc đẩy cuộc Chiến tranh lạnh đi vào giai đoạn kết thúc. Trước những thay đổi của tình hình quốc tế, với mong muốn có một môi trường hòa bình ổn định tại châu Á và tránh việc hướng về Liên Xô, Ấn Độ từng bước

cải thiện quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Mỹ. Đồng thời, Trung Quốc đã có một số động thái đáp lại mong muốn bình thường hóa quan hệ của Ấn Độ trong xu thế hòa dịu của thế giới cũng như khu vực Nam Á, nhất là sau khi Trung Quốc và Mỹ ra Thông cáo Thượng Hải năm 1972. Mặc dù còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết trọn vẹn nhưng với nỗ lực từ hai phía, tháng 4/1976 Trung - Ấn thỏa thuận khôi phục đại diện ngoại giao ở cấp đại sứ sau 15 năm gián đoạn. Tiếp đó, hai nước tăng cường trao đổi các đoàn ngoại giao, báo chí, nổi lại quan hệ kinh tế, thương mại. Ấn Độ có một bước tiến mang tính chất đột phá trong mối quan hệ với Trung Quốc, đó là chuyến viếng thăm Trung Quốc của Thủ tướng Rajiv Ganhi từ ngày 19 đến 23/12/1988. Sau 30 năm gián đoạn, chuyến viếng thăm này đã mở đầu cho một thời kỳ mới trong quan hệ giữa hai nước vào đầu thập niên 90. Nhìn chung, trong thời kỳ thập niên 70 đến đầu thập niên 90, xuất phát từ bối cảnh quốc tế và nhu cầu của hai nước, Ấn Độ và Trung Quốc bắt đầu có những bước cải thiện mối quan hệ đầy mâu thuẫn và căng thẳng sau cuộc chiến tranh biên giới năm 1962. Dù vậy, sau cuộc chiến năm 1962, giữa Trung Quốc và Ấn Độ còn xảy ra các cuộc đụng độ như năm 1967 tại Nathu La, năm 1987 tại Sumdorong Chu Valley.

2.3. Nhận xét về quá trình đàm phán giải quyết tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ – Trung Quốc trước 1991

Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ về vấn đề biên giới trải qua nhiều cung bậc lúc hoà dịu xen lẫn căng thẳng, xung đột. Những thế kỉ trước Ấn Độ và Trung Quốc rất ít quan hệ vì địa lý cản trở. Sau khi hai nước giành độc lập và thoát khỏi ách thống trị của thực dân, để quốc thi mối quan hệ ngoại giao mới bắt đầu có những dấu ấn. Về cơ bản vấn đề biên giới chưa là nhân tố thách thức và chi phối quan hệ hai nước trong thập niên 50 vì cả hai có cùng mục tiêu ủng hộ chống đế quốc, chống chiến tranh, đoàn kết các nước phụ thuộc, thuộc địa, bảo vệ hòa bình thế giới. Nhưng bắt đầu từ năm 1959, hàng loạt động thái của hai bên có liên quan đến khu vực biên giới chung đã làm mối quan hệ Trung - Ấn ngày càng xấu đi.

Các cuộc chiến tranh, xung đột giữa hai nước đỉnh cao là cuộc chiến năm 1962 xuất phát từ nhiều nhân tố tác động. Trong đó nổi bật là môi trường an ninh chiến lược, chính vị trí địa lý của Ấn Độ khiến Ấn Độ nhạy cảm trong việc lo sợ về những gì bao quanh. Phía Tây là Pakistan – được xem là đồng minh của Trung Quốc từ khi trở thành một quốc gia độc lập mà Ấn Độ đã có nhiều cuộc xung đột chính trị lẫn quân sự. Ấn Độ và Pakistan luôn ở trong tình trạng quan hệ thù địch bắt nguồn từ nguyên nhân tôn giáo và lịch sử. Cuộc tranh chấp ngày càng phức tạp hơn vì có thêm những thế lực bên ngoài tham gia, tranh chấp nổi bật là quyền kiểm soát khu vực Kashmir. Khi đó, Trung Quốc trong thời kì này lo lắng về sự chia rẽ, mất ổn định trong nước với bối cảnh Chiến tranh lạnh và thù địch với Mỹ. Sau khi chính quyền địa phương Tây Tạng bị giải thể, lãnh đạo và những cộng sự phải tị nạn sang vùng Tây Bắc của Ấn Độ. Chính phủ Trung Quốc không hài lòng về chính sách tị nạn chính trị của Ấn Độ cho những phần tử chống đối Trung Quốc vì thế họ luôn thận trọng đối với mọi nguy cơ đe dọa đến toàn vẹn lãnh thổ từ phía bên kia biên giới. Như vậy, những lo lắng chiến lược tương đồng giữa

hai quốc gia bên sườn núi Himalaya trở thành một trong nhiều nguyên nhân chính gây ra các cuộc xung đột giữa hai nước.

Mặc dù luôn trong tình trạng căng thẳng nhưng các cuộc đối thoại trực tiếp của đại diện hai nước trở nên cần thiết, những bước đột phá trong đàm phán thực sự cần đến lòng dũng cảm, sáng suốt của các nhà lãnh đạo. Đến những cuối thập niên 60 thì hai nước cơ bản đã đạt được sự đồng thuận nhưng vẫn còn tiềm ẩn yếu tố mang tính bùng nổ về biên giới lãnh thổ do lịch sử để lại. Từ năm 1969, ông Narayanan giữ cương vị là Đại sứ đầu tiên của Ấn Độ ở Trung Quốc sau một thời gian dài gián đoạn bởi cuộc chiến năm 1962. Năm 1976, Ấn Độ cử Đại sứ Narayanan sang Bắc Kinh, sau đó phía Trung Quốc thông báo việc cử Đại sứ của họ sang New Dehli. Đây được xem là bước khởi đầu trong việc hàn gắn lại mối quan hệ hai nước và đi đến những thỏa thuận tiếp theo trong việc giải quyết tranh chấp biên giới. Đến năm 1980, Indira Gandhi trở lại cầm quyền và tiếp tục ủng hộ quan điểm việc cải thiện tốt quan hệ với Trung Quốc đã tạo điều kiện để tiến tới một sự hòa giải trong vấn đề biên giới, không phải dùng vấn đề biên giới làm “lá bài” mặc cả trong việc cải thiện quan hệ hai nước. Bước tiến quan trọng trong quan hệ Trung – Ấn được đánh dấu bằng chuyến thăm Bắc Kinh từ ngày 19 – 21/12/1988 của Thủ tướng Rajiv Gandhi. Tại Bắc Kinh, Thủ tướng Rajiv Gandhi đã 4 lần hội đàm với Thủ tướng Lý Bằng và gặp gỡ Đặng Tiểu Bình. Trong chuyến thăm này, hai bên đạt được thỏa thuận là nhất trí cho rằng 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình cần được coi là cơ sở trong quan hệ quốc tế và xây dựng một trật tự chính trị – kinh tế quốc tế mới. Trên cơ sở đó, khôi phục, cải thiện và phát triển quan hệ láng giềng, hai bên quyết định thành lập nhóm công tác liên hợp về biên giới để từng bước giải quyết những vấn đề biên giới do lịch sử để lại. Từ tháng 9/1989 đến tháng 2/1992 nhóm công tác liên hợp về vấn đề biên giới của hai nước đã tiến hành bốn vòng đàm phán. Tháng 8/1990, tại vòng hội đàm lần thứ hai được tiến hành tại Ấn Độ, hai nước đồng ý cho các nhân viên biên phòng hai nước tiến hành gặp gỡ không định kì. Tuy cả hai bên vẫn không thể chính thức giải quyết những khác biệt nhưng những căng thẳng tại vùng biên giới đang tranh chấp của họ đã giảm đáng kể, nhờ những thỏa thuận xây dựng lòng tin và cắt giảm quân đội được ký kết vào những năm 1990.

Bên cạnh đó, những thách thức và khó khăn còn tồn đọng. Thực tế, Ấn Độ và Trung Quốc là hai nước lớn duy nhất trên thế giới chưa xác định xong đường biên giới, sau gần 19 năm thương lượng New Dehli vẫn không thể thuyết phục được Bắc Kinh hoạch định đường ranh giới kiểm soát thực tế. Hơn 4000km đường ranh giới phân chia dãy Himalaya tiếp tục để ngỏ. Trung Quốc không chỉ né tránh việc phê chuẩn ranh giới kiểm soát thực tế mà còn tuyên bố chủ quyền đối với một diện tích lớn lãnh thổ Ấn Độ, trên bản đồ mới nhất của Trung Quốc, ba bang của Ấn Độ bị tách rời khỏi Ấn Độ. Bang Arunachal Pradesh thuộc Trung Quốc, bang Sikkim là khu vực độc lập và bang Giammu và Kashmir vùng tranh chấp, đồng thời trên bản đồ Trung Quốc lại coi Aksai Chin và thung lũng Shaksgam ở Kashmir thuộc về Trung Quốc. Sau cuộc chiến tranh biên giới năm 1962, trong thời kỳ đầu thập niên 70 đến đầu thập

niên 90, Ấn Độ và Trung Quốc bắt đầu có những động thái nhằm cải thiện quan hệ hai bên. Nhưng việc đường ranh giới kiểm soát thực tế không được phân định rõ ràng gây lo ngại cho Ấn Độ, khi đường ranh giới chưa được thống nhất thì cả hai nước đều không thể tiến hành các hoạt động kiểm soát thực sự nhằm ngăn chặn sự xâm nhập cũng như các hoạt động khác vào ranh giới này. Trong đàm phán giải quyết vấn đề biên giới với Ấn Độ, Trung Quốc luôn dịch chuyển giữa hai lập trường cơ bản: thứ nhất, phải kiên nhẫn; thứ hai, phải tìm ra “giải pháp tròn gỏi” cho những mâu thuẫn chủ quyền. Khi vấn đề đường ranh giới kiểm soát thực tế bị đẩy xuống hàng thứ yếu thì Trung Quốc có lợi thế trong thương lượng tranh chấp lãnh thổ và quay lại đề nghị ban đầu là từ bỏ tuyên bố chủ quyền vùng Đông Bắc Ấn Độ nếu New Dehli chấp nhận sự kiểm soát của Bắc Kinh đối với những vùng đã chiếm của Ấn Độ trước đây. Vào thời điểm diễn ra xung đột Kargil với Pakixtan, Ấn Độ cố gắng làm dịu những sự kiện xảy ra tại vùng tranh chấp với Trung Quốc. Nhưng trong thời gian đó, quân đội Trung Quốc tăng cường gia tăng những cuộc xâm nhập vào khu vực Ladakh của Ấn Độ. Qua hành động này, Trung Quốc muốn gửi đến Ấn Độ thông điệp ngoài việc phải bảo vệ Kargil, Siachen và Quốc lộ 1A, Ấn Độ không bao giờ được quay lưng hay bỏ qua Trung Quốc. Ấn Độ cố gắng theo đuổi một chính sách đối ngoại thực tế hơn, nhưng đối với họ, Trung Quốc vẫn được xem là một mối lo ngại lớn. Động thái diễn ra trong bối cảnh Ấn Độ và Trung Quốc tiếp tục căng thẳng do tranh chấp dai dẳng về vùng Aksai Chin đang do Bắc Kinh kiểm soát và bang Arunachal Pradesh thuộc sự quản lý của New Delhi. Ấn Độ tuyên bố Aksai Chin là một phần của Ladakh và cáo buộc Trung Quốc lợi dụng việc kiểm soát vùng này để tiếp tục lấn vào Ladakh. Trong khi Bắc Kinh cũng tuyên bố chủ quyền đối với Arunachal Pradesh và gọi bang này bằng tên Nam Tây Tạng thuộc Khu tự trị Tây Tạng.

Từ tranh chấp, giải quyết vấn đề biên giới giữa Ấn Độ với Trung Quốc trong lịch sử có thể thấy:

Một là, vấn đề biên giới quốc gia là một vấn đề liên quan tới tương quan lực lượng giữa các nước trong quan hệ quốc tế. Khi quốc gia mạnh, biên giới, lãnh thổ được mở rộng và ngược lại khi suy yếu lãnh thổ, biên giới của một nước thường bị thu hẹp lại. Một phần nguyên nhân chính xuất phát từ hệ lụy do chủ nghĩa thực dân để lại, cả Ấn Độ và Trung Quốc khi còn là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây phải chấp nhận chính sách chia để trị và biên giới quốc gia bị “vẽ” theo ý đồ của các nước thống trị.

Hai là, sau khi giành độc lập vấn đề biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc liên quan trực tiếp đến lợi ích quốc gia của hai nước. Chính do đặt lợi ích về biên giới quốc gia nói riêng cũng như lợi ích quốc gia dân tộc nói chung cả Ấn Độ và Trung Quốc đã không nhân nhượng nhau và không giải quyết được tranh chấp về biên giới chung giữa hai nước, để xảy ra xung đột dẫn đến chiến tranh biên giới năm 1962 và nhiều cuộc xung đột nhỏ khác dọc theo biên giới hai nước.

Ba là, vấn đề biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc không giải quyết tròn vẹn trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc do có sự tác động, can thiệp từ các yếu tố bên ngoài, cụ thể là các nước đồng minh của hai nước như Liên Xô,

Mỹ, Pakistan. Điều quan trọng, Ấn Độ và Trung Quốc đều muốn thiết lập quan hệ đồng minh để đối trọng, gây sức ép nhằm có lợi cho họ trên bàn đàm phán về giải quyết tranh chấp biên giới.

3. Kết luận

Từ những năm 50 thế kỉ XX do những bất đồng trong vấn đề Tây Tạng và biên giới chưa hoạch định đã làm cho quan hệ hai nước thêm căng thẳng dẫn đến hậu quả là diễn ra các cuộc chiến tranh biên giới. Đến đầu những năm 70, hai nước có những động thái cải thiện quan hệ song phương vì lợi ích quốc gia. Hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc tích cực cải thiện mối quan hệ giữa hai nước, đặc biệt là tiếp tục giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới trong lịch sử còn tồn đọng. Ấn Độ – Trung Quốc đạt được những thành tựu quan trọng về vấn đề Tây Tạng, Sikkim nhưng tranh chấp ở vùng Kashmir và Arunachal Pradesh vẫn chưa được giải quyết. Trong tương lai, giải quyết vấn đề biên giới, đôi khi xảy ra những bất đồng và không thống nhất vì lợi ích, quan điểm giữa các nước khác nhau là điều khó tránh. Điều quan trọng là xử lý thế nào cho thỏa đáng, Trung Quốc đã từng giải quyết vấn đề biên giới do lịch sử để lại với nhiều nước, nhưng còn vấn đề biên giới với Ấn Độ thì chưa giải quyết xong. Vì thế, hai nước cần tăng cường hơn nữa việc xây dựng được lòng tin lẫn nhau, nhìn nhận lại quá khứ để giải quyết tốt vấn đề biên giới còn tồn đọng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Brahma Chellaney, *How China fights: Lessons from the 1962 Sino – Indian war*, Newsweek International, Vol.160, No.19, 2012, rus.ruvr, 30.10.2012, <http://www.newsweek.com/how-china-fights-lessons-1962-sino-indian-war-65429>.
- [2] Lê Phụng Hoàng, *Lịch sử quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai, tập 1: 1945 – 1975*, Nxb ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh, 2009.
- [3] Đỗ Tuyết Khanh, *Quan hệ hợp tác cạnh tranh giữa Trung Quốc và Ấn Độ trong thế giới đa cực*, Tạp chí Nghiên cứu & thảo luận, số 12 – tháng 11/2007, http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai12/200712_DTKhanh.htm
- [4] Trần Thị Lý, *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hoà Ấn Độ từ 1991 đến 2000*, Nxb KHXH, 2002.
- [5] Lorenz Lüthi, *Sino-Indian Relations, 1954-1962*, Eurasia Border Review Special Issue on China's Post-Revolutionary Borders, 1940s-1960s, page 95 – 119, http://srch.slav.hokudai.ac.jp/publictn/eurasia_border_review/Vol3/SI/luthi.pdf
- [6] Ivan Lidarev, *History's Hostage: China, India and the War of 1962*, August 21, 2012, <http://thediplomat.com/2012/08/historys-hostage-china-india-and-the-war-of-1962/>.
- [7] Maxwell, Neville, *Sino-Indian Border Dispute Reconsidered*, in Economic and Political, Weekly, April 10, 1999.
- [8] Lê Văn Mỹ, *Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 30 năm cải cách mở cửa (1978 – 2008)*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009.
- [9] Khuất Thạch, *Những sự kiện quan trọng của nước CHND Trung Hoa*, Nxb Thanh Hóa, 2003.
- [10] Võ Xuân Vinh, *Quan điểm của Ấn Độ về sự trỗi dậy của Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 8 (96), 2009.

(BBT nhận bài: 30/11/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 28/02/2017)